



VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I  
Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc  
Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh  
Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099  
Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT220825

### 1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt    Nước biển    Nước thải    Nước nuôi    Động vật  
trồng thủy sản    Động vật  
thủy sản
- Sản phẩm    Đất    Bùn    Trầm tích    Khác  
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày thu mẫu: Ngày 22-24/8/2022

Ngày nhận mẫu: Ngày 25/8/2022

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày phân tích: Ngày 25/8/2022

#### Bảng 1: Địa điểm thu mẫu

TT	Tên vùng nuôi/chủ hộ	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
<b>Nguồn cấp</b>			
1.	Hói Lỗ	Hói Lỗ - Kỳ Ninh	Nước cấp Kỳ Ninh
2.	Kỳ Thư	Ngọn Rào - Kỳ Thư	Nước cấp Kỳ Thư
3.	Cắm Lộ	Bãi Rào - Cắm Lộ	Nước cấp Cắm Lộ
4.	Thạch Hạ	Đồng Ghè - Thạch Hạ	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Đan Trường	Nước cấp Đan Trường
6.	Thạch Châu	Thạch Châu	Nước cấp Thạch Châu
7.	Đỉnh Bàn	Đỉnh Bàn	Nước cấp Đỉnh Bàn

**Bảng 2: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Phương pháp phân tích</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Phương pháp phân tích</b>
N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	HD.H.01	COD	SMEWW5220 C:2017
TSS	SMEWW 2540D:2017	H <sub>2</sub> S	SMEWW 4500-S <sub>2</sub> <sup>-</sup> B,D:2017
Mật độ tảo, thành phần tảo độc	SMEWW 10200 F:2017		

## 2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

**Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa**

Chỉ tiêu	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	COD	H <sub>2</sub> S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
<b>Nguồn cấp</b>										
Nước cấp Kỳ Ninh	28	8,0	4,5	35	21	90	<b>0,817</b>	2,32	0,000	19,7
Nước cấp Kỳ Thu	28	7,9	4,5	30	8	107	0,244	3,44	0,000	6,8
Nước cấp Cẩm Lộc	29	7,8	4,0	35	15	89,5	0,194	2,64	0,000	14,8
Nước cấp Thạch Hạ	30	9,0	4,5	50	16	<b>54</b>	0,164	2,96	0,000	16,8
Nước cấp Đan Trường	30	8,0	4,0	40	<b>0</b>	<b>54</b>	0,283	1,84	0,000	10,0
Nước cấp Thạch Châu	28	8,0	3,5	45	21	89,5	<b>0,383</b>	4,72	0,000	14,4
Nước cấp Đinh Bàn	30	8,0	4,5	25	16	107,4	<b>0,383</b>	2,8	0,002	44,0
<b>Quy chuẩn tham chiếu</b>	18-33 <sup>b</sup>	7-9 <sup>b</sup>	≥3,5 <sup>b</sup>	20-50 <sup>b</sup>	5-35 <sup>b</sup>	60-180 <sup>b</sup>	<0,3 <sup>c</sup>	<10 <sup>c</sup>	<0,05 <sup>b</sup>	<50 <sup>a</sup>

**Ghi chú:**

- **Ký hiệu (°): QCVN 10-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- **Ký hiệu (°): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Đấu (\*):** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Ký hiệu (°): QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Đấu (\*\*\*):** Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

**Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc**

Điểm quan trắc		Mật độ tảo					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc
		Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt		
Kỳ Ninh	Nguồn cấp	0	0	18.000	0	0	18.000	KPH
Kỳ Thư	Nguồn cấp	0	195	0	0	130	325	KPH
Cẩm Lộc	Nguồn cấp	0	1.120	0	0	0	1.120	KPH
Thạch Hạ	Nguồn cấp	130	6.500	650	0	0	7.280	KPH
Đan Trường	Nguồn cấp	1.875	150	0	0	0	2.025	KPH
Thạch Châu	Nguồn cấp	0	120	120.000	0	0	120.120	KPH
Đỉnh Bàn	Nguồn cấp	0	140	0	0	0	140	KPH

*Ghi chú: KPH: Không phát hiện*

### 3. NHẬN XÉT

+ Hàm lượng N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tại các điểm nguồn cấp Kỳ Ninh, Thạch Châu và Đỉnh Bàn cao hơn giới hạn cho phép từ 1,28 đến 2,72 lần. Độ kiềm tại điểm nguồn cấp Thạch Hạ và Đan Trường thấp hơn giới hạn cho phép. Độ mặn tại nguồn cấp Đan Trường thấp hơn giới hạn cho phép.

+ Mật độ tảo tại các điểm quan trắc nguồn cấp thấp, dao động từ 140 – 120.120 tế bào/lít. Nguồn cấp tại Thạch Châu có mật độ cao nhất (120.120 tế bào/lít), kế đến là Kỳ Ninh (18.000 tế bào/lít), Thạch Hạ (7.280 tế bào/lít), Đan Trường (2.025 tế bào/lít), Cẩm Lộc (1.120 tế bào/lít), Kỳ Thư (325 tế bào/lít) và Nguồn cấp Đỉnh Bàn có mật độ thấp nhất (140 tế bào/lít). Không phát hiện tảo độc tại tất cả các điểm nguồn cấp.

### 4. KHUYẾN CÁO

- Đối các nguồn cấp có hàm lượng N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, độ kiềm và độ mặn thấp cần lấy nước vào ao chứa và xử lý trước khi cấp vào ao nuôi. Thường xuyên theo dõi hàm lượng N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup> và pH để có phương án xử lý kịp thời.

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 8 năm 2022

Trưởng phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghĩa

